

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 21/6/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Lệ Hằng;
2. Ông Dương Minh Dũng;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương**

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 572/2018/TLST–HNST ngày 20/9/2018 về việc “**Tranh chấp ly hôn**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2019/QĐST-HN ngày 10/6/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Hoàng Thị Hồng Y**, sinh năm 1985.

ĐKTT: 57A2, tổ 9, khu vực 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: 18/19 đường N, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

*** Bị đơn:** Ông **Huỳnh Văn U**, sinh năm 1987.

ĐKTT: 57A2, tổ 9, khu vực 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – Bà Y trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn U tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011 nhưng đến năm 2012 mới tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định, tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ vào. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách đôi bên không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông U thiếu trách nhiệm với gia đình. Do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nên sau khi sinh con một thời gian, bà đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và ly thân với ông U từ năm 2013 đến nay. Nay xét thấy vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm đối với ông U không còn nên bà có yêu cầu được ly hôn với ông U.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Kim S (Nữ), sinh ngày 18/12/2011. Hiện tại, cháu đang sống chung với ông Huỳnh Văn U. Để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu, bà đồng ý tiếp tục giao cháu S cho ông U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – Ông Huỳnh Văn U trình bày tại biên bản lấy lời khai: Ông thống nhất với ý kiến của bà Y về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống. Ông xác định vợ chồng có mâu thuẫn như bà Y trình bày, vợ chồng ly thân đến nay cũng đã 07 năm. Nay bà Y có đơn xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông U xác định từ trước đến nay con chung là cháu Huỳnh Kim S do ông nuôi dưỡng, do vậy nay ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu. Không yêu cầu bà Y cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Xác định không có.

Tại phiên toà :

Ông U vắng mặt.

Bà Y vẫn giữ yêu cầu ly hôn và các trình bày như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Sau đó có đến Tòa án trình bày lời khai và yêu cầu xin giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông U là hoàn toàn phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Y và ông U tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ. Nay có yêu cầu ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình hôn nhân qua trình bày của các bên cho thấy vợ chồng ông bà có sự bất đồng về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn, cãi vã. Cả hai không tìm được biện pháp nào nhằm cải thiện tình trạng mâu thuẫn, xung đột nên bà Y đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và ly thân từ năm 2013 đến nay. Từ khi ly thân, vợ chồng không có liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay bà Y có yêu cầu xin được ly hôn, ông U cũng thống nhất, do vậy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y đối với ông U.

[4] Về con chung: Cháu Huỳnh Kim S (Nữ), sinh năm 2011, từ trước đến nay do ông U nuôi dưỡng. Nay cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha, do vậy đây là căn cứ để tiếp tục giao cháu cho ông U nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các bên không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các bên khai thống nhất không có, nên không đặt ra giải quyết. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Y phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **Hoàng Thị Hồng Y** đối với ông **Huỳnh Văn U**.

2/ *Về con chung*: Giao cháu Huỳnh Kim S, sinh năm 2011 cho ông Huỳnh Văn U trực tiếp nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con ông U không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Y theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

3/ *Tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

4/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Y phải chịu 300.000 đồng chuyển tiền tạm ứng án phí bà Y đã nộp theo biên lai thu số 001776 ngày 07/9/2018 thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND quận N;
- VKSND TPCT;
- TAND TPCT;
- THA;
- UBND phường A;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

ĐẶNG THỊ HUỆ